

HƯỚNG DẪN

Một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ

Thực hiện Hướng dẫn số 08-HD/BTCTU, ngày 10/3/2022 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Hướng dẫn một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ và Kế hoạch số 39-KH/HU, ngày 22/3/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện công tác quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý; Ban Tổ chức Huyện ủy hướng dẫn một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ như sau:

I - MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM TRONG THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUY HOẠCH CÁN BỘ

1. Quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý phải xuất phát từ tình hình thực tế đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp; đồng thời, gắn kết chặt chẽ với các khâu khác trong công tác cán bộ. Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo, nguyên tắc tập trung dân chủ, công bằng, công tâm, khách quan, công khai, minh bạch.

2. Rà soát, đánh giá nguồn cán bộ và cán bộ trước khi đưa vào quy hoạch

Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị phải tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ và cán bộ theo yêu cầu sau:

- Về rà soát, đánh giá nguồn cán bộ: Trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị trong nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ tiếp theo; chỉ đạo rà soát, đánh giá nguồn cán bộ đương nhiệm theo cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện để chuẩn bị nguồn nhân sự trước khi tiến hành công tác quy hoạch cán bộ.

- Đánh giá cán bộ theo các tiêu chí sau:

+ Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức, kỷ luật và việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên.

+ Năng lực công tác: Kết quả, hiệu quả công việc; mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

+ Uy tín: Kết quả đánh giá cán bộ hằng năm của cấp có thẩm quyền và kết quả lấy phiếu tín nhiệm theo quy định (nếu có).

+ Chiều hướng, triển vọng phát triển: Khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo chức danh quy hoạch.

3. Thực hiện phương châm quy hoạch “động” và “mở”

- Quy hoạch “động” là định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh để đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện; không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc uy tín thấp và kịp thời bổ sung vào quy hoạch những cán bộ có phẩm chất, uy tín, triển vọng phát triển.

- Quy hoạch “mở” là không khép kín trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị mà cần mở rộng nguồn cán bộ từ nơi khác để đưa vào quy hoạch những cán bộ đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

4. Không thực hiện đồng thời quy trình bổ sung quy hoạch với quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào một chức danh lãnh đạo, quản lý. Việc thực hiện quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức danh quy hoạch chỉ được thực hiện sau khi phê duyệt quy hoạch ít nhất 3 tháng.

5. Coi trọng chất lượng, không vì số lượng, cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn; đồng thời, quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và có biện pháp hiệu quả để phấn đấu thực hiện cơ cấu ba độ tuổi (khoảng cách giữa các độ tuổi là 5 năm), tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ trong quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, các chức danh lãnh đạo, quản lý.

II - MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

- Ban Thường vụ Huyện ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý.

- Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện xem xét, cho ý kiến để Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt quy hoạch các chức danh nêu tại Điểm 1,2 Mục II, Phụ lục 1 của Quy định số 03-QĐ/HU, ngày 09/3/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

- Các Đảng ủy xã – thị trấn phê duyệt quy hoạch các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của mình theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

2. Thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được tờ trình, hồ sơ nhân sự cấp có thẩm quyền phải xem xét, phê duyệt quy hoạch theo thẩm quyền. Trường

hợp cần thiết, cấp có thẩm quyền có thể kéo dài thời gian nhưng không quá 15 ngày làm việc.

3. Quy hoạch chức danh cao hơn

Chỉ quy hoạch cán bộ vào chức danh cao hơn, không quy hoạch chức vụ đang đảm nhiệm.

Ví dụ:

- Đồng chí Nguyễn Văn A hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025, khi quy hoạch nhiệm kỳ 2025 - 2030 sẽ không giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn A vào quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy; nếu đồng chí Nguyễn Văn A có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thì giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn A vào danh sách quy hoạch chức danh Phó Bí thư hoặc Bí thư Huyện ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Đồng chí Nguyễn Văn B hiện là Phó Trưởng phòng nhiệm kỳ 2021 - 2026, khi quy hoạch nhiệm kỳ 2026 - 2031 sẽ không giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn B vào quy hoạch chức danh Phó Trưởng phòng; nếu đồng chí Nguyễn Văn B có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thì giới thiệu đồng chí Nguyễn Văn B vào danh sách quy hoạch chức danh Trưởng phòng nhiệm kỳ 2026 - 2031 hoặc chức danh khác cao hơn chức danh đang đảm nhiệm.

4. Quy hoạch cấp ủy gắn với quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý

Lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý, bảo đảm đồng bộ với các chủ trương, quy hoạch của Đảng về bố trí cán bộ.

Ví dụ:

- Đồng chí Nguyễn Văn C hiện là Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025, nếu được giới thiệu quy hoạch chức danh Phó Bí thư Huyện ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 và đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, thì có thể xem xét, giới thiệu quy hoạch hai trong ba chức danh: Bí thư Huyện ủy (đối tượng 2) nhiệm kỳ 2025 - 2030, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Đồng chí Nguyễn Văn D hiện là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020 - 2025, nếu đủ tiêu chuẩn, điều kiện, thì xem xét, giới thiệu quy hoạch chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 và có thể xem xét, giới thiệu quy hoạch tối đa ba chức danh: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện nhiệm kỳ 2026 - 2031 hoặc chức danh lãnh đạo, quản lý khác theo quy định.

5. Phương pháp và thời điểm quy hoạch

Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai của nhiệm kỳ đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Hằng năm, tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch của nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp trong quý I; trường hợp rà soát, bổ sung quy hoạch lần thứ 2 trong năm được thực hiện khi được tập thể lãnh đạo thấy cần thiết.

6. Về tiêu chuẩn, điều kiện

Tại thời điểm xem xét, phê duyệt quy hoạch, nhân sự phải cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Về trình độ chuyên môn: Phải có bằng tốt nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với chức danh bổ nhiệm.

- Về trình độ lý luận chính trị:

+ Cán bộ quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng của chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử.

+ Cán bộ quy hoạch các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Huyện ủy quản lý: Đối tượng 1 phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng của chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử; đối tượng 2 có thể chưa đảm bảo tiêu chuẩn lý luận chính trị nhưng sau khi được quy hoạch phải có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị theo quy định.

- Chưa nhất thiết phải đáp ứng ngay các tiêu chuẩn: Kinh qua chức danh lãnh đạo, quản lý cấp dưới, trình độ quản lý nhà nước...

Ví dụ: Đối với quy hoạch chức danh Phó Bí thư Huyện ủy, tại thời điểm xem xét quy hoạch, nhân sự không nhất thiết phải đáp ứng đầy đủ một số tiêu chuẩn sau: Đã kinh qua lãnh đạo chủ chốt cấp xã (*thí thư, phó bí thư cấp ủy cấp xã, chủ tịch HDND, chủ tịch UBND cấp xã*); có trình độ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương.

7. Phương pháp tính tuổi quy hoạch

Tuổi quy hoạch được xác định theo tinh thần Kết luận số 08-KL/TW, ngày 15/6/2021 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 08-HD/BTCTU, ngày 10/3/2021 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, cụ thể như sau:

- Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm tính tuổi theo quy định phải còn ít nhất 01 nhiệm kỳ công tác (60 tháng) đối với đối tượng 1, còn ít nhất 02 nhiệm kỳ công tác (120 tháng) đối với đối tượng 2.

Thời điểm tính tuổi quy hoạch: Kế thừa cách tính thời điểm được quy định tại Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị, cụ thể:

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030: Cấp xã tháng 4/2025; cấp huyện tháng 6/2025.

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo các cơ quan Nhà nước nhiệm kỳ 2026 - 2031: Tháng 5/2026.

+ Thời điểm tính tuổi quy hoạch các chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội của nhiệm kỳ kế tiếp được xác định tại thời điểm đại hội các cấp của mỗi nhiệm kỳ hiện tại cộng với 5 năm (60 tháng).

- Tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch cho nhiệm kỳ hiện tại bằng tuổi nghỉ hưu thực tế của cán bộ theo Nghị định số 135/NĐ-CP, ngày 18/11/2020 của Chính phủ trừ đi tuổi của cán bộ tại thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch phải còn ít nhất 72 tháng đối với đối tượng 1 và còn ít nhất 02 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2.

(Có Phụ lục 1 về xác định tuổi quy hoạch đối với các chức danh cụ thể kèm theo).

8. Về hệ số, số lượng chức danh quy hoạch

- Hệ số quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

Ví dụ: Đảng bộ xã A được xác định số lượng ủy viên ban chấp hành là 15 đồng chí; ủy viên ban thường vụ là 5 đồng chí. Số lượng quy hoạch tối đa sẽ là: (1) Ủy viên ban chấp hành: 15 đồng chí nhân với hệ số 1,5 thì tối đa là 22,5 người, làm tròn thành 23 người; (2) Ủy viên ban thường vụ: 5 đồng chí nhân với hệ số 1,5 thì tối đa là 7,5 người, làm tròn thành 8 người;

- Số lượng chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý:

+ Một chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá 3 cán bộ.

Ví dụ: Theo quy định, Văn phòng Huyện ủy có 2 Phó Chánh Văn phòng, số lượng quy hoạch tối đa sẽ là: 2 đồng chí nhân với 3 thì tối đa là 6 người.

+ Một cán bộ quy hoạch không quá 3 chức danh ở cùng một cấp phê duyệt quy hoạch (không bao gồm chức danh ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp).

Ví dụ:

Đồng chí Nguyễn Văn B, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 được giới thiệu quy hoạch tối đa 3 chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt (Bí thư Huyện ủy (đối tượng

2); Phó Bí thư Huyện ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện... nhưng tối đa không quá 3 chức danh).

Đồng chí Nguyễn Văn C, Phó Trưởng phòng B được giới thiệu quy hoạch tối đa 3 chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy phê duyệt Trưởng phòng B, Trưởng phòng C nhiệm kỳ 2026 - 2031, Chánh Văn phòng Huyện ủy nhiệm kỳ 2025-2030... nhưng tối đa không quá 3 chức danh.

9. Quy trình quy hoạch

- Khi tổ chức hội nghị thực hiện các bước của quy trình quy hoạch cán bộ phải mời đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ đứng chân theo dõi địa bàn dự chi đạo hội nghị.

- Hội nghị cán bộ chủ chốt (bước 3 của quy trình xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp từ nguồn nhân sự tại chỗ và bước 2 của quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm từ nguồn nhân sự tại chỗ) chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.

10. Đối với các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

- Cán bộ đã từ trần, cán bộ quá tuổi quy hoạch hoặc bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (đối với cá nhân) hoặc kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch thì cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch ban hành quyết định đưa cán bộ đó ra khỏi quy hoạch không phải thực hiện quy trình bổ phiếu theo quy định.

- Đối với cán bộ bị thi hành kỷ luật, sau khi quyết định thi hành kỷ luật hết hiệu lực theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cấp có thẩm quyền có thể xem xét việc quy hoạch theo quy định.

11. Hồ sơ nhân sự quy hoạch: Thực hiện theo Phụ lục 3 kèm theo Kế hoạch số 39-KH/HU, ngày 22/3/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện công tác quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý. Trong đó: Hồ sơ nhân sự đề nghị phê duyệt quy hoạch gửi về Ban Tổ chức Huyện ủy tổng hợp, thẩm định trình Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, phê duyệt.

III - QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUY HOẠCH

1. Căn cứ vào kết quả phê duyệt quy hoạch, tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh quy hoạch và yêu cầu, nhiệm vụ, các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện để cán bộ phấn đấu, rèn luyện, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh quy hoạch theo quy định.

2. Việc đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử và sắp xếp, bố trí cán bộ phải căn cứ vào quy hoạch cán bộ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Định kỳ hằng năm, cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc rà soát, đánh giá chất lượng, cơ cấu nguồn cán bộ trong quy hoạch để kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy hoạch theo quy định.

IV - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch của nhiệm kỳ 2020 - 2025, 2021 - 2026, trước thời điểm Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Kế hoạch số 39-KH/HU, ngày 22/3/2022 về thực hiện công tác quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý thì quyết định quy hoạch vẫn còn giá trị.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác quy hoạch cán bộ ở cấp mình và chỉ đạo, hướng dẫn cấp dưới xây dựng, thực hiện cho phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tiễn, bảo đảm tổng thể, đồng bộ, chặt chẽ, dân chủ, công bằng, công tâm, khách quan, minh bạch, đúng theo Kế hoạch số 39-KH/HU, ngày 22/3/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện công tác quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý, Hướng dẫn này và các quy định khác có liên quan.

3. Hướng dẫn này (kèm theo các phụ lục) có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các hướng dẫn trước đây.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các đồng chí kịp thời phản ánh về Ban Tổ chức Huyện ủy để hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đề b/c).
- Ban Thường vụ Huyện ủy.
- HĐND, UBND huyện.
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy.
- Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội huyện.
- Các phòng, ban trực thuộc UBND huyện.
- Đảng ủy các xã - thị trấn.
- Lưu TC.



TRƯỞNG BAN

Huỳnh Thị Thanh Thảo

PHỤ LỤC 1
XÁC ĐỊNH TUỔI ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH QUY HOẠCH
(Kèm theo Hướng dẫn số 06-HD/BTCTU, ngày 23/3/2022
của Ban Tổ chức Huyện ủy)

I - TUỔI QUY HOẠCH NHIỆM KỶ KẾ TIẾP ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG 1

1. Chức danh cấp ủy, lãnh đạo các ban, cơ quan của đảng, đơn vị sự nghiệp của đảng, ủy ban kiểm tra các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030

Cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2025 - 2030	
	Nam	Nữ
Xã	Sinh từ tháng 4/1968 trở lại đây ¹	Sinh từ tháng 1/1972 trở lại đây ¹
Huyện	Sinh từ tháng 6/1968 trở lại đây	Sinh từ tháng 2/1972 trở lại đây ²

2. Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan nhà nước nhiệm kỳ 2026 - 2031

Chức danh lãnh đạo, quản lý cơ quan nhà nước <i>(cùng một thời điểm)</i>	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026 - 2031	
	Nam	Nữ
	Sinh từ tháng 5/1969 trở lại đây ³ .	Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây ⁴ .

3. Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội
(xác định theo thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức, nhiệm kỳ hiện tại cộng với 60 tháng).

(1) Chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc nhiệm kỳ 2029 - 2034 (cấp xã tháng 3/2029, cấp huyện tháng 5/2029).

Chức danh lãnh đạo MTTQ các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2029 - 2034	
	Nam	Nữ
Cấp xã	Sinh từ tháng 3/1972 trở lại đây	Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây ⁵

¹ Ví dụ 1: Đồng chí Nguyễn Thị A (nữ), sinh tháng 10/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 3 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 4/2025) = 5 năm 01 tháng công tác (nếu tính sinh tháng 12/1971, thì thiếu 04 tháng).

² Ví dụ 2: Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ), sinh tháng 02/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 4 tháng - 53 tuổi 3 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2025) = 5 năm công tác.

³ Ví dụ 5: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam), sinh tháng 5/1969, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 62 tuổi - 57 tuổi (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 5/2026) = 5 năm công tác.

⁴ Ví dụ 6: Đồng chí Nguyễn Thị B (nữ), sinh tháng 9/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 5/2026) = 5 năm công tác.

Cấp huyện	Sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây ⁶	Sinh từ tháng 9/1974 trở lại đây ⁷
-----------	---	---

(2) Chức danh lãnh đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ nhiệm kỳ 2026 - 2031 (cấp xã tháng 4/2026, cấp huyện tháng 6/2026).

Chức danh lãnh đạo Hội LHPN các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2026 - 2031
Cấp xã	Sinh từ tháng 9/1972 trở lại đây ⁸
Cấp huyện	Sinh từ tháng 10/1972 trở lại đây ⁹

(3) Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động nhiệm kỳ 2028 - 2033 (cấp xã tháng 6/2028, cấp huyện tháng 9/2028).

Chức danh lãnh đạo Liên đoàn Lao động các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028 - 2033	
	Nam	Nữ
Cấp xã	Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 2/1974 trở lại đây ¹⁰
Cấp huyện	Sinh từ tháng 9/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 5/1974 trở lại đây ¹¹

(4) Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân nhiệm kỳ 2028 - 2033 (cấp xã tháng 5/2028, cấp huyện tháng 6/2028).

Chức danh lãnh đạo Hội Nông dân các cấp	Tuổi quy hoạch nhiệm kỳ 2028 - 2033	
	Nam	Nữ
Cấp xã	Sinh từ tháng 5/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 01/1974 trở lại đây ¹²

⁵ Ví dụ 7: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ), sinh tháng 9/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 6 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 3/2029) = 5 năm công tác.

⁶ Ví dụ 8: Đồng chí Nguyễn Văn C (nam), sinh tháng 5/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 62 tuổi - 57 tuổi 6 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 5/2029) = 5 năm công tác.

⁷ Ví dụ 9: Đồng chí Nguyễn Thị M (nữ), sinh tháng 9/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 8 tháng - 54 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 5/2029) = 5 năm công tác.

⁸ Ví dụ 11: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ), sinh tháng 9/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 7 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 4/2026) = 5 năm 1 tháng công tác (nếu tính sinh tháng 8/1972, thì thiếu 04 tháng).

⁹ Ví dụ 12: Đồng chí Nguyễn Thị N (nữ), sinh tháng 10/1972, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 58 tuổi 8 tháng - 53 tuổi 8 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2026) = 5 năm công tác.

¹⁰ Ví dụ 14: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ), sinh tháng 02/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 6/2028) = 5 năm công tác.

¹¹ Ví dụ 15: Đồng chí Nguyễn Thị T (nữ), sinh tháng 05/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 9/2028) = 5 năm công tác.

¹² Ví dụ 17: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ), sinh tháng 01/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp xã tháng 5/2028) = 5 năm công tác.

Cấp huyện	Sinh từ tháng 6/1971 trở lại đây	Sinh từ tháng 02/1974 trở lại đây ¹³
-----------	----------------------------------	---

(5) Chức danh lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2027 - 2032 (cấp xã tháng 5/2027, cấp huyện tháng 8/2027).

Độ tuổi quy hoạch đối với các chức danh cán bộ Đoàn ở các cấp, thực hiện theo Hướng dẫn của Ban Bí thư Trung ương Đoàn.

II - TUỔI QUY HOẠCH NHIỆM KỲ KẾ TIẾP ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG 2

Độ tuổi quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp đối với đối tượng 2 được xác định: Độ tuổi của đối tượng 1 (của chức danh tương ứng nêu tại Phần I) cộng thêm 5 năm (60 tháng).

III - TUỔI RÀ SOÁT, BỔ SUNG QUY HOẠCH HÀNG NĂM ĐỐI VỚI CẢ 2 ĐỐI TƯỢNG

Việc xác định độ tuổi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ kế tiếp và nhiệm kỳ hiện tại cơ bản thực hiện như phương pháp tính nêu tại mục 7, phần II của Hướng dẫn này. Vào thời điểm rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ kế tiếp, cán bộ phải còn thời gian công tác ít nhất 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với đối tượng 1 và ít nhất 2 nhiệm kỳ (120 tháng) đối với đối tượng 2. Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ phải còn thời gian công tác ít nhất 72 tháng đối với đối tượng 1 và ít nhất 120 tháng đối với đối tượng 2.

¹³ Ví dụ 18: Đồng chí Nguyễn Thị D (nữ), sinh tháng 02/1974, thì tuổi nghỉ hưu thực tế theo Nghị định 135 là 59 tuổi 4 tháng - 54 tuổi 4 tháng (tuổi tại thời điểm đại hội cấp huyện tháng 6/2028) + 5 năm công tác.